

DANH MỤC KỸ THUẬT BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN MỸ SÀI GÒN
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
		A. TUẦN HOÀN				
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giu-ờng	x	x	x	
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại gi-ường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	4	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản	x	x		
5	5	Làm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x
6	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
7	7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	x	x	x	
8	8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	x	x	x	
9	9	Đặt catheter động mạch	x	x		
10	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
11	11	Chăm sóc catheter động mạch	x	x		
12	12	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)	x	x	x	
13	14	Đặt catheter động mạch phổi	x	x		
14	15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
15	16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
16	17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
17	18	Siêu âm tim cấp cứu tại giu-ờng	x	x	x	
18	19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	x	x	x	
19	20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	x	x	x	
20	21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	x	x	x	
21	22	Siêu âm cấp cứu đánh giá tiền gánh tại giường bệnh ở người bệnh sốc	x	x		
22	23	Thăm dò huyết động theo phương pháp PICCO	x	x		
23	24	Theo dõi áp lực các buồng tim, áp lực động mạch phổi bất xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x		
24	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
25	29	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trung tâm (ScvO ₂)	x	x		
26	30	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch cảnh (SjvO ₂)	x	x		
27	31	Đo độ bão hòa oxy tĩnh mạch trộn (SvO ₂)	x	x		
28	32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
29	33	Đặt máy khử rung tự động	x	x		
30	34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	x	x	x	
31	35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
32	36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	x	x	x	
33	37	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim	x	x	x	
34	38	Tạo nhịp tim vượt tần số	x	x		
35	39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
36	40	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	x	x	x	
37	41	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	x	x	x	
38	42	Đặt dẫn l-ưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da	x	x		
39	43	Mở màng ngoài tim cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	
40	44	Dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
41	45	Dùng thuốc chống đông	x	x	x	
42	46	Điều trị tiêu sợi huyết cấp cứu	x	x		
43	47	Đặt bóng đối xung động mạch chủ	x			

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
44	50	Liệu pháp insulin liều cao điều trị ngộ độc (để nâng huyết áp) ≤ 8 giờ	x	x	x	
45	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HỒ HẤP				
46	52	Cắm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
47	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
48	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x
49	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x	x	
50	56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x	
51	57	Thở oxy qua gọng kính (£ 8 giờ)	x	x	x	x
52	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (£ 8 giờ)	x	x	x	x
53	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
54	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
55	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (£ 8 giờ)	x	x	x	x
56	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	x
57	63	Thở oxy qua mặt nạ venturi (£ 8 giờ)	x	x	x	
58	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
59	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
60	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
61	67	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x		
62	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x	
63	69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
64	70	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	x	x		
65	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	
66	72	Mở khí quản qua màng nhĩn giáp	x	x	x	
67	73	Mở khí quản thường quy	x	x	x	
68	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x	
69	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
70	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	
71	77	Thay ống nội khí quản	x	x	x	
72	78	Rút ống nội khí quản	x	x	x	
73	79	Rút canuyn khí quản	x	x	x	
74	80	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
75	81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	x
76	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x	x	x	x
77	83	Theo dõi ETCO2 ≤ 8 giờ	x	x		
78	84	Thăm dò CO2 trong khí thở ra	x	x	x	
79	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
80	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
81	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x	
82	88	Làm ẩm đ-ường thở qua máy phun sự-ong mù	x	x	x	
83	89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	x	x	x	x
84	90	Đặt stent khí phế quản	x	x		
85	91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩn giáp	x	x	x	
86	92	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x		

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
87	93	Chọc hút dịch – khí màng phổi bằng kim hay catheter	x	x	x	
88	94	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
89	95	Mở màng phổi cấp cứu	x	x	x	
90	96	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	x	x	x	
91	97	Dẫn l-u-u màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
92	98	Chọc hút dịch, khí trung thất	x	x		
93	99	Dẫn l-u-u trung thất liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
94	100	Nội soi màng phổi để chẩn đoán	x	x		
95	101	Nội soi màng phổi sinh thiết	x	x		
96	102	Gây dính màng phổi bằng bơm bột Talc qua nội soi lồng ngực	x	x		
97	103	Gây dính màng phổi bằng nhũ dịch Talc qua ống dẫn lưu màng phổi	x	x		
98	104	Gây dính màng phổi bằng povidone iodine bơm qua ống dẫn lưu màng phổi	x	x		
99	105	Gây dính màng phổi bằng tetracyclin bơm qua ống dẫn lưu màng phổi	x	x		
100	106	Nội soi khí phế quản cấp cứu	x	x	x	
101	107	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh không thở máy	x	x		
102	108	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh có thở máy	x	x		
103	109	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh không thở máy	x	x		
104	110	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh có thở máy	x	x		
105	111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	x	x	x	
106	112	Bơm rửa phế quản	x	x		
107	113	Rửa phế quản phế nang	x	x		
108	114	Rửa phế quản phế nang chọn lọc	x	x		
109	116	Nội soi bơm rửa phế quản cấp cứu lấy bệnh phẩm ở người bệnh thở máy	x	x		
110	117	Nội soi phế quản cấp cứu để cầm máu ở người bệnh thở máy	x	x		
111	118	Nội soi phế quản sinh thiết ở người bệnh thở máy	x	x		
112	119	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên thành ở người bệnh thở máy	x	x		
113	120	Nội soi khí phế quản hút đờm	x	x		
114	121	Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi	x	x		
115	122	Nội soi phế quản và chải phế quản	x	x		
116	123	Nội soi phế quản kết hợp sử dụng ống thông 2 nòng có nút bảo vệ	x	x		
117	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
118	129	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac ≤ 8 giờ	x	x	x	
119	130	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
120	131	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
121	132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
122	133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
123	134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
124	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	x	x	x	

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyển			
			A	B	C	D
125	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
126	137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
127	138	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP ≤ 8 giờ	x	x	x	
128	139	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV ≤ 8 giờ	x	x		
129	140	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức NAVA ≤ 8 giờ	x			
130	141	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức HFO ≤ 8 giờ	x			
131	142	Thông khí nhân tạo kiểu áp lực thể tích với đích thể tích (VCV+ hay MMV+Assure)	x			
132	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
133	145	Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
134	146	Cai thở máy bằng phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
135	147	Cai thở máy bằng thở T-tube ngắt quãng ≤ 8 giờ	x	x	x	
136	148	Thủ thuật huy động phế nang 40/40	x	x		
137	149	Thủ thuật huy động phế nang 60/40	x	x		
138	150	Thủ thuật huy động phế nang PCV	x	x		
139	151	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở CPAP	x	x	x	
140	152	Kỹ thuật thử nghiệm tự thở bằng T-tube	x	x	x	
141	153	Thở máy xâm nhập hai phổi độc lập ≤ 8 giờ	x	x		
142	154	Theo dõi các thông số cơ học phổi ≤ 8 giờ	x	x	x	
143	155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ	x	x	x	
144	157	Cổ định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
145	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
146	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
		C. THẬN - LỌC MÁU				
147	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x
148	161	Chọc hút nước tiểu trên x-ương mu	x	x	x	
149	162	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	x	x	x	
150	163	Mở thông bàng quang trên xương mu	x	x	x	
151	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
152	165	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
153	166	Vận động trị liệu bàng quang	x	x	x	
154	167	Chọc thăm dò bể thận d-ưới hư-ớng dẫn của siêu âm	x	x		
155	168	Dẫn lư-u bể thận qua da cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x		
156	169	Dẫn lưu bể thận ngư-ợc dòng cấp cứu bằng nội soi ≤ 8 giờ	x	x		
157	170	Bài niệu c-ương bức ≤ 8 giờ	x	x	x	
158	171	Kiểm hóa nước tiểu tăng thải trừ chất độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
159	172	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	x	x		
160	173	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	x	x	x	
161	174	Thận nhân tạo cấp cứu	x	x	x	
162	175	Thận nhân tạo thường qui	x	x	x	
163	176	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	x	x		
164	177	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)	x	x		
165	181	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	x	x		
166	182	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	x	x		

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
167	183	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	x	x		
168	184	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	x	x		
169	186	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích	x	x		
170	188	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục	x	x		
171	193	Thay huyết tương sử dụng albumin	x	x		
		D. THẬN KINH				
172	201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
173	202	Chọc dịch tủy sống	x	x	x	
174	203	Ghi điện cơ cấp cứu	x	x		
175	205	Theo dõi áp lực nội sọ liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
176	207	Ghi điện não đồ cấp cứu	x	x		
177	208	Siêu âm Doppler xuyên sọ	x	x		
178	209	Dẫn lưu-u não thất cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x		
179	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
180	213	Điều trị cơ giết liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
181	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ				
182	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
		Đ. TIÊU HOÁ				
183	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
184	217	Mở thông dạ dày bằng nội soi	x	x		
185	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
186	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	x	x	x	x
187	220	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	x	x	x	
188	221	Thụt tháo	x	x	x	x
189	222	Thụt giữ	x	x	x	x
190	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
191	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
192	225	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
193	226	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh qua ống thông hỗng tràng ≤ 8 giờ	x	x	x	
194	227	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh liên tục bằng máy truyền thức ăn qua ống thông dạ dày ≤ 8 giờ	x	x	x	
195	228	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x
196	229	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh bằng đư-ờng truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
197	230	Nuôi d-ưỡng người bệnh bằng đ-ường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x	
198	231	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	x	x	x	
199	232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	x	x	x	
200	233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch	x	x	x	
201	234	Nội soi trực tràng cấp cứu	x	x	x	
202	235	Nội soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	x	x	x	
203	236	Nội soi đại tràng cầm máu	x	x	x	
204	237	Nội soi đại tràng sinh thiết	x	x	x	
205	238	Đo áp lực ổ bụng	x	x	x	
206	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	x	x	x	

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
207	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
208	241	Dẫn lưu-u dịch ổ bụng cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
209	242	Rửa màng bụng cấp cứu	x	x	x	
210	243	Dẫn lưu-u ổ bụng trong viêm tụy cấp ≤ 8 giờ	x	x	x	
211	244	Chọc dẫn lưu-u ổ áp xe d-ưới siêu âm	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
212	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
213	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
214	247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
215	248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	x	x	
216	249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
217	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
218	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
219	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
220	253	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	x	x	x	x
221	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	x
222	255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x	
223	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
224	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
225	258	Kiểm soát tăng đư-ờng huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
226	259	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x	
227	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x	
228	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
229	262	Gội đầu cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x
230	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
231	264	Tắm cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x
232	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
233	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
234	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
235	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
236	269	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	x	x	x	x
237	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
238	271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc	x	x	x	
239	272	Sử dụng than hoạt đa liều cấp cứu ngộ độc ≤ 8 giờ	x	x	x	
240	274	Điều trị giải độc ngộ độc rượu cấp	x	x	x	
241	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
242	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
243	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
244	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
245	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thất lưng	x	x	x	
246	280	Vận chuyển người bệnh nặng có thở máy	x	x	x	
		G. XÉT NGHIỆM				
247	281	Xét nghiệm đ-ường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
248	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
249	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	
250	284	Định nhóm máu tại gi-ường	x	x	x	x
251	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x
252	286	Đo các chất khí trong máu	x	x	x	
253	287	Đo lactat trong máu	x	x	x	
254	288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	x	x	x	

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
		H. THĂM DÒ KHÁC				
255	290	Xét nghiệm cồn trong hơi thở	x	x		
256	296	Phát hiện opiat bằng naloxone	x	x	x	
257	297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
258	298	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
259	299	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
260	300	Định lượng nhanh myoglobin trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
261	301	Định lượng nhanh CK-MB trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
262	302	Xác định nhanh INR/PT/ Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay	x	x	x	
263	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	x	x	x	
264	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x	
		I. HỒ HẤP				
265	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	x	x	x	
266	306	Đo áp lực của bóng chèn ở bệnh nhân đặt nội khí quản hoặc mở khí quản	x	x	x	
267	307	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản xét nghiệm của bệnh nhân cúm ở khoa hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
268	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở	x	x	x	
269	310	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống nội khí quản, mở khí quản bằng ống hút thường để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
270	311	Lấy bệnh phẩm dịch phế quản qua ống hút đờm có đầu bảo vệ để xét nghiệm ở bệnh nhân thở máy	x	x	x	
271	312	Thông khí nhân tạo nằm sấp trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		
272	314	Đo nồng độ Carboxyhemoglobin bằng phương pháp mạch này (SpCO)	x	x	x	
273	315	Đo nồng độ Methemoglobin bằng phương pháp mạch này (SpMet)	x	x	x	
274	316	Đo thể tích khí tự thở và áp lực âm tối đa đường thở thì hít vào	x	x	x	
		K. TIM MẠCH				
275	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
276	318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
277	319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
278	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
279	322	Khai thông động mạch vành bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị nhồi máu cơ tim cấp	x	x	x	
280	323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
281	324	Chăm sóc catheter swan-ganz ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x		
282	325	Đo và theo dõi liên tục áp lực tĩnh mạch trung tâm qua công đo áp lực trên máy theo dõi	x	x	x	
		L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
283	333	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x	x	
284	334	Chăm sóc ống thông bàng quang	x	x	x	x
285	335	Chăm sóc catheter thận nhân tạo ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	

STT	STT theo TT 43/và TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân tuyến			
			A	B	C	D
286	336	Rửa bàng quang ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
287	337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	x	x	x	
		M. THẬN KINH				
288	345	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
289	346	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	x	x	x	
		O. TIÊU HÓA				
290	351	Nội soi dạ dày-tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
291	352	Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
292	353	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	
293	354	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê tại đơn vị hồi sức tích cực	x	x	x	
294	355	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu	x	x	x	
295	356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	x	x	x	
296	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x	x	x	
297	358	Đo áp lực ổ bụng trong hồi sức cấp cứu	x	x	x	
298	360	Theo dõi liên tục áp lực ổ bụng gián tiếp qua bàng quang	x	x	x	
		P. CHỐNG ĐỘC				
299	361	Nội soi phế quản điều trị sặc phổi ở bệnh nhân ngộ độc cấp	x	x	x	
300	362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
301	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	x	x	x	
302	364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	x	x	x	
303	365	Điều trị thải độc chì	x	x	x	
304	366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi	x	x	x	
305	367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
306	368	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất	x	x	x	
307	369	Xét nghiệm định tính một chỉ tiêu ma túy trong nước tiểu	x	x	x	
308	370	Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy	x	x	x	
309	371	Xét nghiệm định tính Porphobilinogen (PBG) trong nước tiểu	x	x	x	
310	372	Xét nghiệm định tính porphyrin trong nước tiểu	x	x	x	
311	373	Xét nghiệm định lượng cấp NH3 trong máu	x	x	x	
312	374	Đo áp lực thẩm thấu dịch sinh học (một chỉ tiêu)	x	x	x	
313	380	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)	x	x	x	
314	381	Giải độc ngộ độc rượu methanol và ethylene glycol	x	x	x	
		Q. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
315	386	Khai thông động mạch phổi bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị tắc mạch phổi cấp	x	x	x	